

SAMPLE 検査成績表
<TEST REPORT>

品名<Model Name> (4CHアナログユニット<4CH ANALOG UNIT>)
 形名<Model Number> (U8978)
 製造番号<Serial No.> (No.190212345)
 検査年月日<Test Date> (2019-02-05)
 <YYYY-MM-DD>
 検査条件<Test Conditions> (25.1 °C, 44 %rh)

| 項目 <Item> | レンジ <Range> | 入力 <Input> | 許容範囲 <Tolerance> | 校正値 <Calibration Value> |
|-----------------|----------------|---------------|------------------------|--|
| 1. 確度<Accuracy> | | | | |
| | 100 mV f.s. | -100 mV | -100.30 mV ~ -99.70 mV | CH1 (-100.11 mV) CH2 (-100.12 mV) CH3 (-100.13 mV) CH4 (-100.11 mV) |
| | | 0 V | -0.30 mV ~ 0.30 mV | CH1 (0.00 mV) CH2 (0.00 mV) CH3 (0.00 mV) CH4 (0.00 mV) |
| | | 100 mV | 99.70 mV ~ 100.30 mV | CH1 (99.99 mV) CH2 (99.98 mV) CH3 (99.98 mV) CH4 (99.99 mV) |
| | 200 mV f.s. | 200 mV | 199.40 mV ~ 200.60 mV | CH1 (199.99 mV) CH2 (199.98 mV) CH3 (199.99 mV) CH4 (199.98 mV) |
| | 400 mV f.s. | 400 mV | 398.80 mV ~ 401.20 mV | CH1 (399.98 mV) CH2 (399.97 mV) CH3 (399.97 mV) CH4 (399.97 mV) |
| | 1 V f.s. | 1 V | 0.9970 V ~ 1.0030 V | CH1 (0.9999 V) CH2 (1.0000 V) CH3 (0.9999 V) CH4 (1.0000 V) |
| | 2 V f.s. | 2 V | 1.9940 V ~ 2.0060 V | CH1 (1.9998 V) CH2 (1.9998 V) CH3 (1.9999 V) CH4 (2.0000 V) |
| | 4 V f.s. | -4 V | -4.0120 V ~ -3.9880 V | CH1 (-4.0003 V) CH2 (-4.0003 V) CH3 (-4.0004 V) CH4 (-4.0000 V) |
| | | 0 V | -0.0120 V ~ 0.0120 V | CH1 (0.0001 V) CH2 (0.0001 V) CH3 (0.0001 V) CH4 (0.0002 V) |
| | | 4 V | 3.9880 V ~ 4.0120 V | CH1 (3.9993 V) CH2 (3.9992 V) CH3 (3.9991 V) CH4 (3.9994 V) |

備考<Note>

FAIL判定箇所は、グレー表示としています。<FAIL decision points are highlighted in gray.>

| | | |
|----------------------------------|--------------------------|-------------------------|
| 総合判定<Overall Result> (PASS) | 検査者<Inspected by> () | 承認者<Approved by> () |
|----------------------------------|--------------------------|-------------------------|

SAMPLE 検査成績表
<TEST REPORT>

品名<Model Name> (4CHアナログユニット<4CH ANALOG UNIT>)
 形名<Model Number> (U8978)
 製造番号<Serial No.> (No.190212345)
 検査年月日<Test Date> (2019-02-05)
 <YYYY-MM-DD>
 検査条件<Test Conditions> (25.1 °C, 44 %rh)

| 項目 <Item> | レンジ <Range> | 入力 <Input> | 許容範囲 <Tolerance> | 校正値 <Calibration Value> |
|--------------|----------------|---------------|---------------------|--|
| | 10 V f.s. | 10 V | 9.970 V ~ 10.030 V | CH1(9.999 V) CH2(9.999 V) CH3(9.999 V) CH4(10.000 V) |
| | 20 V f.s. | 20 V | 19.940 V ~ 20.060 V | CH1(19.999 V) CH2(19.999 V) CH3(19.998 V) CH4(19.999 V) |
| | 40 V f.s. | 40 V | 39.880 V ~ 40.120 V | CH1(39.999 V) CH2(39.997 V) CH3(39.999 V) CH4(39.998 V) |